

Số: 07/2025/QĐST-DS      Đ, ngày 14 tháng 3 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 26/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025 (số cũ số 49/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024) về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

### XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP L (L1)

Trụ sở: Tòa nhà LPB Tower, số B T, Phường T, Quận H, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công T1 – Chức vụ: Giám đốc  
Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh K1

Người được ủy quyền lại:

+ Ông Nguyễn Ngọc S - Phó giám đốc kiêm Trưởng phòng KHCN - Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh K1

+ Ông Nguyễn Thái K – Chức vụ: Trưởng bộ phận - Phòng G - Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh K1.

- **Đồng bị đơn:** Ông A P và bà Y T2

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ, thời gian trả nợ và xử lý tài sản thế chấp:

Tính đến hết ngày 06/3/2025, ông A P và bà Y T3 còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần L số tiền là: **347.907.563 đồng** (*Ba trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm lẻ bảy nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng*). Trong đó: nợ gốc là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*), lãi quá hạn: 16.107.359 đồng (*mười sáu triệu một trăm lẻ bảy nghìn ba trăm năm mươi chín đồng*), lãi phạt gốc quá hạn: 30.532.193 đồng (*Ba mươi triệu năm trăm ba mươi hai nghìn một trăm chín mươi ba đồng*), lãi phạt lãi quá hạn 1.268.011 đồng (*Một triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn không trăm mười một đồng*).

Chậm nhất là đến hết ngày 30/04/2025, ông A P và bà Y T3 có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L tổng số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 06/3/2025 là 347.907.563 đồng (*Ba trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm lẻ bảy nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng*) và lãi suất phát sinh trên số dư nợ còn lại kể từ ngày 07/3/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HDTD90C2023246 ngày 24/08/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L.

Kể từ ngày các đương sự có thỏa thuận trả nợ và nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn ông A P và bà Y T3 chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh đối với số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã ký kết và phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong Hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất của khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Nếu đến thời hạn theo thỏa thuận mà ông A P và bà Y T3 không trả hoặc trả chưa hết khoản tiền nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L thì Ngân hàng có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 38, tờ bản đồ số 23, địa chỉ thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G164568 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 25 tháng 06 năm 1996 cho ông A P; theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC90C2020179 ngày 28/10/2020 được ký kết giữa Ngân hàng B – Phòng giao dịch huyện G và ông A P, bà Y T3 để thanh toán nợ cho Ngân hàng theo quy định pháp luật.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của đồng bị đơn ông A P, bà Y T3 đối với nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ, buộc ông A P, bà Y T3 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số HDTD90C2023246 ngày 24/08/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi.

## 2.2. Về chi phí tố tụng

Ông A P và bà Y T3 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

## 2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm

Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông A P và bà Y T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.697.689 đồng (*Tám triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng*).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 8.102.000 đồng (*Tám triệu một trăm linh hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002478 ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### ***Nơi nhận:***

- TAND Cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Glei;
- Chi cục THADS huyện Đăk Glei;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Y Trình**